TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2020
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liệu.

2. Bà Trương Thị Lệ Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 364/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Mai Thụy Cẩm H**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 96, khu 8, ấp 2, xã PH, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Cao S**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 96, khu 8, ấp 2, xã PH, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2019; bản tự khai; các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các biên bản hòa giải nguyên đơn là chị Mai Thụy Cẩm H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 14/9/1993. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S đi nhuậ về say là chửi bới, xúc phạm đến chị, lúc nào anh S cũng kiếm chuyện với chị mặc dù chị không làm gì sai, tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống với nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận với nhau nên hai vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi nhau. Chị và anh S đã Nều lần tự hòa giải với nhau nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Chị có nộp đơn tại Tòa án 02 lần nhưng chị cho anh S cơ hội và rút đơn về nhưng anh S vẫn không thay đổi nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ chị sinh sống từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm gia đình không thuận hòa, không thể hàn được vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung tên là Nguyễn Đức Song T, sinh ngày 03/01/1994 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 29/10/1995. Do các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai; các biên bản ghi lời khai bị đơn là anh Nguyễn Cao S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 14/9/1993. Anh không có ý kiến gì đối với lời trình bày về quan hệ hôn nhân của chị H. Anh và chị H đã không còn chung sống từ năm 2017 đến nay. Nay chị H có yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung tên là Nguyễn Đức Song T, sinh ngày 03/01/1994 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 29/10/1995. Do các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương

sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Mai Thụy Cẩm H.

Về con chung: Do các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Chị Mai Thụy Cẩm H chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Cao S hiện cư trú tại ấp 2, xã PH, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị H yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh S nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Mai Thụy Cẩm H là nguyên đơn; anh Nguyễn Cao S là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tống đạt: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ sao gửi tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Mai Thụy Cẩm H có đơn xin xét xử; Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Cao S và đã mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng anh S vắng mặt mà không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[5] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh S và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống, chị H và anh S hiện nay không còn chung sống với nhau. Chị H có yêu cầu được ly hôn với anh S; anh S cũng đồng ý ly hôn với chị H vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thụy Cẩm H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Khi vợ hoặc cH yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, cH có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, cH làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[6] Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung tên là Nguyễn Đức Song T, sinh ngày 03/01/1994 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 29/10/1995. Do các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ngày 05/9/2019, anh Nguyễn Cao S có nộp đơn yêu cầu phản tố. Ngày 09/9/2019, Tòa án ban hành Thông báo sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu phản tố. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/12/2019, anh S thừa nhận đã nhận được Thông báo sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu phản tố và cam kết: *"hết thời hạn 07 ngày (kể từ ngày 30/12/2019) sẽ sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu phản tố. Nếu hết thời hạn trên anh không sửa đổi bổ sung đơn yêu cầu phản tố thì anh đồng ý việc Tòa án trả lại đơn yêu cầu phản tố của anh"*. Ngày 10/01/2020, Tòa án trả lại đơn yêu cầu phản tố cho anh S, anh S đã nhận Thông báo trả lại đơn yêu cầu phản tố, anh S không thắc mắc, khiếu nại. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/01/2020, anh S và chị H đều thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung và khai không có nợ chung vì vậy Tòa án không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự về tài sản chung và nợ chung bằng một vụ án khác nếu như các đương sự có yêu cầu.

[8] Về án phí: Chị Mai Thụy Cẩm H chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 5, 6, 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 51, 56, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thụy Cẩm H được ly hôn với anh Nguyễn Cao S.

2. Về con chung: Các cháu Nguyễn Đức Song T, sinh ngày 03/01/1994 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 29/10/1995đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thụy Cẩm H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị H đã nộp (biên lai số 0002441 ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán) được cấn trừ qua án phí. Chị H đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Định Quán;
- Thi hành án dân sự H. Định Quán;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Thái